

Số: 1486/QĐ-SYT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh
thực hiện tại Phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt Thuộc Công ty TNHH
Dịch vụ Nha khoa SP

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Bộ Y tế về Ban hành danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 29/2022/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 8972/QĐ-SYT ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Sở Y tế về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 3735/QĐ-SYT ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Sở Y tế về việc kiện toàn thành viên Hội đồng chuyên môn kỹ thuật của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn 10988/SYT-NVY ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Sở Y tế về việc triển khai Thông tư số 23/2024/TT-BYT của Bộ Y tế về ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Giấy phép hoạt động số 00830/SYT-GPHĐ do Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06 tháng 12 năm 2013 cho Phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt Thuộc Công ty TNHH Dịch vụ Nha khoa SP;

Theo đề nghị của bác sĩ Phạm Văn Đạo tại hồ sơ số H29.19-241018-0014 ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với Phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt Thuộc Công ty TNHH Dịch vụ Nha khoa SP;

Theo đề nghị của Tổ thẩm định Sở Y tế tại Biên bản thẩm định ngày 18 tháng 04 năm 2018 về việc điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối

với Phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt Thuộc Công ty TNHH Dịch vụ Nha khoa SP;

Theo đề nghị của Hội đồng chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế tại Biên bản ngày 26 tháng 11 năm 2024 về việc thẩm định danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh đủ điều kiện thực hiện tại Phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt Thuộc Công ty TNHH Dịch vụ Nha khoa SP;

Theo đề nghị của Phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh theo Thông tư số 23/2024/TT-BYT của Bộ Y tế thực hiện tại Phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt Thuộc Công ty TNHH Dịch vụ Nha khoa SP tại số 198 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 21, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (danh mục đính kèm).

Điều 2. Danh mục chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh được phê duyệt là căn cứ pháp lý cho việc thực hiện kỹ thuật, chuyển tuyến, thanh toán chi phí khám, chữa bệnh và là cơ sở để đơn vị phân đầu phát triển chuyên môn kỹ thuật.

Điều 3. Phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt Thuộc Công ty TNHH Dịch vụ Nha khoa SP và người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật chịu trách nhiệm đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực có trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện danh mục kỹ thuật đã được phê duyệt theo đúng các quy định chuyên môn và quy trình kỹ thuật. Khi không đủ điều kiện thực hiện kỹ thuật đã được phê duyệt thì đơn vị phải chuyển người bệnh đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thích hợp để điều trị.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế cho Quyết định số 586/QĐ-SYT ngày 18 tháng 5 năm 2018 của Sở Y tế.

Điều 5. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chức năng thuộc Sở, Chánh Thanh tra Sở, các tổ chức, cá nhân có liên quan, Phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt Thuộc Công ty TNHH Dịch vụ Nha khoa SP và người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Ban Giám đốc Sở;
- Phòng Y tế quận Bình Thạnh;
- Cổng Thông tin điện tử SYT;
- Lưu: VT, NVY (MTL).

KT, GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ
Y TẾ



Nguyễn Anh Dũng

**DANH MỤC KỸ THUẬT ĐỦ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN TẠI PHÒNG KHÁM
CHUYÊN KHOA RĂNG HÀM MẶT THUỘC CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ NHA
KHOA SP**

(Kèm theo Quyết định số: 1486/QĐ-SYT ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Sở Y tế)

STT (cột 1)	STT theo TT 23/BYT/2024 (cột 1)	Mã kỹ thuật (cột 2)	Tên chương (cột 3)	Tên kỹ thuật (cột 4)
1.	53	1.53	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu
2.	65	1.65	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Bóp bóng ambu qua mặt nạ
3.	14318	16.3	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật ghép xương nhân tạo để cấy ghép implant
4.	14320	16.5	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật đặt xương nhân tạo và màng sinh học quanh Implant
5.	14321	16.6	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật cấy ghép Implant
6.	14326	16.11	16. RĂNG HÀM MẶT	Cấy ghép Implant tức thì sau nhổ răng
7.	14327	16.12	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật tăng lợi sừng hóa quanh Implant
8.	14353	16.38	16. RĂNG HÀM MẶT	Liên kết cố định răng lung lay bằng dây cung kim loại và Composite
9.	14354	16.39	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị áp xe quanh răng cấp
10.	14355	16.40	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị áp xe quanh răng mạn
11.	14356	16.41	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh răng
12.	14357	16.42	16. RĂNG HÀM MẶT	Trích áp xe lợi
13.	14358	16.43	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy cao răng
14.	14365	16.50	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
15.	14367	16.52	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trạm xoay cầm tay
16.	14372	16.57	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi

17.	14376	16.61	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tùy lại
18.	14381	16.67	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Composite
19.	14382	16.68	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite
20.	14383	16.70	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement
21.	14384	16.71	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement
22.	14385	16.72	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng Composite
23.	14386	16.73	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng có sử dụng pin ngà
24.	14395	16.82	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng tùy sống bằng máng thuốc
25.	14396	16.83	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt
26.	14397	16.84	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)
27.	14399	16.86	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ Titanium gắn bằng ốc vít trên Implant
28.	14400	16.87	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ kim loại quý gắn bằng ốc vít trên Implant
29.	14401	16.88	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ toàn phần gắn bằng ốc vít trên Implant
30.	14402	16.89	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ kim loại thường gắn bằng cement trên Implant
31.	14403	16.90	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ Titanium gắn bằng cement trên Implant
32.	14405	16.92	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ toàn phần gắn bằng cement trên Implant
33.	14406	16.93	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ kim loại thường gắn bằng ốc vít trên Implant
34.	14407	16.94	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ Titanium gắn bằng ốc vít trên Implant
35.	14409	16.96	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ Cercon gắn bằng ốc vít trên Implant
36.	14410	16.97	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ toàn phần gắn bằng ốc vít trên Implant
37.	14411	16.98	16. RĂNG HÀM	Cầu sứ kim loại thường

			MẶT	gắn bằng cement trên Implant
38.	14412	16.99	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ Titanium gắn bằng cement trên Implant
39.	14414	16.101	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ toàn phần gắn bằng cement trên Implant
40.	14415	16.102	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả toàn phần dạng cúc bấm tựa trên Implant
41.	14416	16.103	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả toàn phần dạng thanh ngang tựa trên Implant
42.	14418	16.105	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp kim loại
43.	14419	16.106	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim thường cần nhựa
44.	14420	16.107	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim thường cần sứ
45.	14421	16.108	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim Titanium cần sứ
46.	14422	16.109	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ toàn phần
47.	14424	16.111	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ Cercon
48.	14425	16.112	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu nhựa
49.	14426	16.113	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu hợp kim thường
50.	14427	16.114	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại cần nhựa
51.	14428	16.115	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại cần sứ
52.	14429	16.116	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu hợp kim Titanium cần sứ
53.	14430	16.117	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại quý cần sứ
54.	14431	16.118	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ toàn phần
55.	14432	16.119	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ Cercon
56.	14433	16.120	16. RĂNG HÀM MẶT	Chốt cùi đúc kim loại
57.	14434	16.121	16. RĂNG HÀM MẶT	Cùi đúc Titanium
58.	14442	16.129	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường
59.	14443	16.130	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường

60.	14444	16.131	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo
61.	14445	16.132	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo
62.	14450	16.137	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo cầu răng giả
63.	14451	16.138	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo chụp răng giả
64.	14452	16.139	16. RĂNG HÀM MẶT	Sửa hàm giả gãy
65.	14453	16.140	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp
66.	14454	16.141	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp
67.	14455	16.142	16. RĂNG HÀM MẶT	Đệm hàm nhựa thường
68.	14456	16.143	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu mút môi
69.	14457	16.144	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi
70.	14458	16.145	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu mút ngón tay
71.	14459	16.146	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy lại khoảng bằng khí cụ cố định
72.	14460	16.147	16. RĂNG HÀM MẶT	Nong rộng hàm bằng khí cụ cố định nong nhanh
73.	14461	16.148	16. RĂNG HÀM MẶT	Nong rộng hàm bằng khí cụ cố định Quad-Helix
74.	14467	16.154	16. RĂNG HÀM MẶT	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ cố định
75.	14469	16.156	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng cung ngang khẩu cái (TPA) làm neo chặn trong điều trị nắn chỉnh răng
76.	14470	16.157	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng có sử dụng neo chặn bằng khí cụ cố định cung lưỡi (LA)
77.	14472	16.159	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ cố định
78.	14473	16.160	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng ngậm
79.	14474	16.161	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng lạc chỗ sử dụng khí cụ cố định

80.	14475	16.162	16. RĂNG HÀM MẶT	Giữ khoảng răng bằng khí cụ cố định cung ngang vòm khẩu cái (TPA)
81.	14476	16.163	16. RĂNG HÀM MẶT	Giữ khoảng bằng khí cụ cố định Nance
82.	14477	16.164	16. RĂNG HÀM MẶT	Giữ khoảng bằng khí cụ cố định cung lưỡi (LA)
83.	14481	16.168	16. RĂNG HÀM MẶT	Làm dài thân răng lâm sàng sử dụng khí cụ cố định
84.	14482	16.169	16. RĂNG HÀM MẶT	Dán mắc cài trực tiếp sử dụng chất gắn hóa trùng hợp
85.	14483	16.170	16. RĂNG HÀM MẶT	Dán mắc cài trực tiếp sử dụng chất gắn quang trùng hợp
86.	14485	16.172	16. RĂNG HÀM MẶT	Gắn mắc cài mặt ngoài bằng kỹ thuật gián tiếp
87.	14486	16.173	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng mắc cài tự buộc trong nắn chỉnh răng
88.	14487	16.174	16. RĂNG HÀM MẶT	Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng dây cung bẻ Loop L hoặc dây cung đảo ngược
89.	14488	16.175	16. RĂNG HÀM MẶT	Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng dây cung tiện ích (Utility Archwire) và cung phụ làm lún răng cửa
90.	14489	16.176	16. RĂNG HÀM MẶT	Làm trôi các răng hàm nhỏ hàm dưới sử dụng khí cụ gắn chặt
91.	14490	16.177	16. RĂNG HÀM MẶT	Đóng khoảng răng sử dụng khí cụ cố định
92.	14491	16.178	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều chỉnh độ nghiêng răng bằng khí cụ cố định
93.	14496	16.183	16. RĂNG HÀM MẶT	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ tháo lắp
94.	14499	16.186	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng bằng hàm tháo lắp
95.	14502	16.189	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu mút môi
96.	14503	16.190	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi
97.	14504	16.191	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu mút



122

				ngón tay
98.	14505	16.192	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu thở đường miệng
99.	14506	16.193	16. RĂNG HÀM MẶT	Gắn band
100.	14508	16.195	16. RĂNG HÀM MẶT	Máng nâng khớp cắn
101.	14509	16.196	16. RĂNG HÀM MẶT	Mài chỉnh khớp cắn
102.	14512	16.199	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên
103.	14513	16.200	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới
104.	14516	16.203	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng vĩnh viễn
105.	14517	16.204	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay
106.	14518	16.205	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ chân răng vĩnh viễn
107.	14526	16.213	16. RĂNG HÀM MẶT	Cắt lợi xo cho răng mọc
108.	14527	16.214	16. RĂNG HÀM MẶT	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới
109.	14528	16.215	16. RĂNG HÀM MẶT	Cắt lợi di động để làm hàm giả
110.	14534	16.221	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh thân răng cấp
111.	14535	16.222	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement quang trùng hợp
112.	14536	16.223	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp
113.	14537	16.224	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp
114.	14538	16.225	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant
115.	14539	16.226	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement
116.	14540	16.227	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàn răng không sang chân với GlassIonomer Cement
117.	14542	16.229	16. RĂNG HÀM MẶT	Dự phòng sâu răng bằng máng có Gel Fluor
118.	14545	16.232	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng sữa
119.	14546	16.233	16. RĂNG HÀM	Điều trị đóng cuống răng

			MẶT	bằng Canxi Hydroxit
120.	14548	16.236	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement
121.	14550	16.238	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng sữa
122.	14551	16.239	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ chân răng sữa
123.	14552	16.240	16. RĂNG HÀM MẶT	Trích áp xe lợi trẻ em
124.	14553	16.241	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)
125.	15065	18.81	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang răng cận chóp (Periapical)
126.	15067	18.83	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang răng toàn cảnh
127.	15113	18.129	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang phim đo sọ thẳng, nghiêng (Cephalometric)

Lưu ý: Bác sĩ Phạm Văn Đạo được thực hiện các kỹ thuật Răng Hàm Mặt Tổng quát, Chỉnh nha và Implant; bác sĩ Lê Trung Toán được thực hiện các kỹ thuật Răng Hàm Mặt tổng quát./.

